TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST Ngày: 23-6-2021 V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bình Dương– vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn C, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 8, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương– vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần T trình bày:

Chị và anh Cchung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương, đăng ký ngày 19/9/2007.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020 chị và anh C xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh C có

quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Châu không thay đổi. Chị và anh C không chung sống với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay, nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn H, sinh ngày 08/5/2010. Hiện các cháu đang ở cùng với chị, nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn C, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh C.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn C, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn; tuy nhiên, tại thời điểm tống đạt văn bản tố tụng, bị đơn không có mặt tại địa phương. Căn cứ vào các quy định tại Điều 174; Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành lập các Biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo cho bị đơn và Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần T và anh Nguyễn C chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, cấp ngày 19/9/2007, hôn nhân là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn với anh C, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi, hiện vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01/2021 cho đến nay. Xét thấy, trong quá trình tố tụng, anh Nguyễn C

đã được Tòa án tống đạt các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa T và anh C đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Trần T được ly hôn với anh Nguyễn C.

Về con chung: Chị Trần T và anh Nguyễn C có 02 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn H, sinh ngày 08/5/2010. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng; xét yêu cầu này của chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn T, cháu Nguyễn H thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2021 và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần TT đối với bị đơn anh Nguyễn C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần T được ly hôn với anh Nguyễn C.

Về con chung: Giao cho chị Trần T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn T, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn H, sinh ngày 08/5/2010. Ghi nhận chị Trần T không yêu cầu anh Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054300 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương; chị Thơ đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần T, anh Nguyễn C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng